

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**- Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Lan**- Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà **Ngô Thị Thời**- Cán bộ Liên Minh HTX tỉnh Hải Dương.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Phú**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà:
Bà **Đinh Thu Thủy**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Bảo Y, sinh năm 1991.

ĐKKHKT: Số 244 NLB, phường PNL, TP. Hải Dương.

Hiện ở: Số 04 NTD, phường PNL, thành phố Hải Dương.

Chị Y có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1987.

ĐKKHKT: Khu 4 phường NC, thành phố Hải Dương.

Cư trú tại: Số nhà 8 ngừ 35/135 đường THĐ, Khu 4 phường NC, thành phố Hải Dương.

Hiện đang học tại Trường Đại học y Dược Hải Phòng.

Anh T vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn Chị Cao Thị Bảo Y trình bày:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn trình bày: Chị Cao Thị Bảo Y và anh Phạm Ngọc Thảng tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố Hải Dương ngày 14/5/2014. Sau ngày tổ chức cưới chị Y về sống chung cùng gia đình anh T tại số 8 ngõ 35/135 đường THĐ, khu 4 phường NC, thành phố Hải Dương được khoảng 01 năm. Sau đó chị Y về nhà bố mẹ để mở hàng bán thuốc tây từ tháng 06 năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng nhau quan điểm sống, anh T chơi bời quá đà nợ nần nhiều việc anh T nợ đều do anh T chơi bời chứ vợ chồng không đầu tư làm ăn gì. Bản thân anh T còn lấy xe máy của chị mang đi cầm cố sau đó anh T phải đi chuộc lại xe cho chị để chị làm phương tiện đi làm, anh T không quan tâm đến vợ con và có dư luận quan hệ N nữ, chị Y đọc được tin nhắn của anh T nhắn tin cho bạn gái, anh T đã thừa nhận. Việc nợ nần của anh T gia đình anh T đều biết. Thời gian anh T công tác tại Bệnh viện y học cổ truyền Hải Dương và Bệnh viện cử đi học tại Trường đại học y dược Hải Phòng tháng 9/2017 thì vợ chồng mâu thuẫn đã ly thân từ tháng 06 năm 2017 cho đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Tháng 11/2017 chị Y đã làm đơn xin ly hôn anh T, quá trình giải quyết được Tòa án động viên chị Y rút đơn ly hôn vợ chồng đoàn tụ. Tòa quyết định đình chỉ số 152/2017/QĐST-HN&GD ngày 21/12/2017. Từ khi chị Y rút đơn ly hôn nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân và đã chấm dứt mọi quan hệ không ai quan tâm đến tình cảm của nhau, kinh tế không ai liên quan đến nhau nên chị Y lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh T lần 02. Quá trình Tòa án giải quyết việc chị Y xin ly hôn anh T, anh T gây khó khăn cho chị không đến Tòa án làm việc. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/02/2015. Hiện nay cháu N ở với chị Y, do chị Y chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Y có nguyện vọng tha thiết được nuôi dưỡng con vì cháu còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung

***Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, cộng sức:**

Vợ chồng không có tài sản chung nên chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết

Tài sản riêng: Chị Y không có tài sản riêng.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai tiền hoặc tài sản gì khác và ngược lại không ai nợ vợ chồng.

Công sức: Vợ chồng không có.

*** Bị đơn anh Phạm Ngọc T vắng mặt nhưng được thể hiện tại biên bản lấy lời khai anh T ngày 06/4/2018 tại Trường Đại học y dược Hải Phòng anh T trình bày:**

Anh T nhất trí Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị Y.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố Hải Dương. Sau khi cưới vợ chồng chủ yếu sống tại nhà bố mẹ đẻ chị Y. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu phát sinh tình cảm vợ chồng do cả hai vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân được 05 tháng đến 06 tháng nay. Kinh tế giữa anh T và chị Y từ khi ly thân đến nay không còn liên quan gì đến nhau. Nay chị Y xin ly hôn anh Thắng, anh T chưa có ý kiến gì. Hiện nay anh T đang học tại Trường Đại học y dược Hải Phòng là do Bệnh viện y học cổ truyền Hải Dương cử đi học.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/02/2015. Hiện nay cháu N ở với chị Y, do chị Y chăm sóc nuôi dưỡng. Về quan điểm ai nuôi con chung, hai vợ chồng sẽ bàn bạc thống nhất, anh T hiện chưa có quan điểm.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 29/3/2018, Tòa án xác minh tại khu dân cư số 4 phường NC, thành phố Hải Dương thể hiện: Ông phạm Ngọc Hoàn và bà Lê Thị QuY là bố mẹ đẻ anh Phạm Ngọc T. Hiện tại ông Hoàn và bà QuY không cư trú và sinh sống tại địa chỉ số 8 ngõ 35/135 THĐ, khu 4 phường NC, thành phố Hải Dương. Nhà của ông Hoàn, bà QuY vẫn khóa cửa. Hiện nay hai ông bà ở đâu, địa phương không nắm bắt được. Anh Thắng, chị Y không sinh sống tại địa chỉ trên.

Tòa án lấy lời khai bà Nguyễn Thị Cốc là mẹ đẻ chị Y: Bà Cốc trình bày: Chị Y là con đẻ bà, anh T là chồng chị Y là con rể bà. Anh T chị Y tự nguyện tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường NC. Sau ngày tổ chức cưới chị Y sống cùng gia đình anh T tại khu 4 phường NC, thành phố Hải Dương được khoảng 01 năm thì chị Y về gia đình bà mở cửa hàng bán thuốc tây. Chị Y ban ngày sinh hoạt tại nhà bà, tối vợ chồng và con lại về gia đình anh T ở. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn anh T vay nợ nần nhiều mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều nhưng anh chị vẫn mâu thuẫn. Chị Y về gia đình bà ở hẳn và vợ chồng sống ly thân gần 01 năm. Anh T không quay lại nhà bà nữa. Chị Y đã làm đơn xin ly hôn anh T sau đó rút đơn Tòa án đình chỉ vụ án nhưng vợ chồng không đoàn tụ. Chị Y lại làm đơn xin ly hôn anh T tiếp lần 02. Nay bà Cốc xác định vợ chồng đã mâu thuẫn, chị Y xin ly hôn anh T đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến:**

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện đúng trình tự quy định của Luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc T vắng mặt không có lý do chưa thực hiện các quy định BLTTDS. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị xử cho chị Cao Thị Bảo Y được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/02/2015 cho chị Y chăm sóc nuôi dưỡng thời gian từ tháng 08/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về án phí: Chị Y phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Ngọc T có ĐKKHKT và trú tại: Số 8 ngõ 35/135 đường THĐ, phường NC, thành phố Hải Dương. Hiện anh T đang học tại Trường Đại học y dược Hải Phòng. Anh T có nguyện vọng Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án chị Y xin ly hôn anh. Do vậy Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án chị Y xin ly hôn anh T theo quy định pháp luật.

[2] Anh Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần. Tòa án đã niêm yết các tài liệu theo quy định nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do và không có yêu cầu phản tố. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Chị Cao Thị Bảo Y và anh Phạm Ngọc T tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND phường NC ngày 14/5/2014, là Hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian khoảng 01 năm. Sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng nhau quan điểm sống, anh T không quan tâm vợ con, chơi bời quá đà dẫn đến nợ nần, việc nợ nần không liên quan gì đến kinh tế vợ chồng, gia đình anh T đều biết việc anh T nợ nần và anh T có biểu hiện quan hệ nam nữ. Vợ chồng sống ly thân chị Y về nhà bố mẹ đẻ ở được gần 01 năm cho đến nay vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế không ai liên quan đến nhau. Chị Y làm đơn xin ly hôn anh T sau đó rút đơn. Từ khi chị Y rút đơn ly hôn, anh chị không về sống chung vợ chồng không đoàn tụ nên chị Y làm đơn xin ly hôn anh T tiếp lần 02. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có mặt theo giấy triệu tập gây khó khăn cho chị Y. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị xin được ly hôn anh T.

Bản thân anh T xác định vợ chồng có mâu thuẫn chủ yếu về tình cảm. Chị Y xin ly hôn anh chưa có quan điểm.

Tòa án lấy lời khai bà C mẹ đẻ chị Y cũng xác định chị Y, anh T có mâu thuẫn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Từ những phân tích trên cho thấy chị Y và anh T tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được bản thân anh T không có mặt khi Tòa án có giấy triệu tập, Tòa án phải niêm yết các văn bản tài liệu theo quy định pháp luật chứng tá anh T gây khó khăn cho chị Y và không có thiện trí mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Y và HĐXX xử cho chị Y được ly hôn anh T theo Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/02/2015, nay cháu N do chị Y chăm sóc nuôi dưỡng, chị Y có nguyện vọng nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. HĐXX xem xét nguyện vọng của chị Y là tự nguyện không trái đạo đức, phù hợp pháp luật và hiện nay con còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên HĐXX tiếp tục giao con Phạm Ngọc Bảo N cho chị Y nuôi dưỡng thời gian từ tháng 08/2018 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung, không cho ai vay nợ chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

Nếu anh T có yêu cầu giải quyết, tài sản, nợ, sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về các lễ tròn,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án.
- Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cao Thị Bảo Y xin ly hôn anh Phạm Ngọc T.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Cao Thị Bảo Y được ly hôn anh Phạm Ngọc T.

2. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 14/02/2015, cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng thời gian từ tháng 08/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung, công sức chị Y xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp anh T có yêu cầu giải quyết về tài sản, về nợ, công sức sẽ giải quyết ở vụ án Dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Cao Thị Bảo Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn được đối trừ 300.000đ chị Y đã nộp tạm ứng án phí số AA/2016/0003291 ngày 12/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị Y đã thực hiện xong tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị Cao Thị Bảo Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Ngọc T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKS TP.Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương